

## HIỆU QUẢ CỦA TƯ VẤN SỨC KHỎE VỀ XỬ TRÍ SỐT CHO THÂN NHÂN BỆNH NHI

*Bùi Thị Kim Tuyền<sup>1\*</sup>, Huỳnh Thị Hồng Thu<sup>1</sup>,  
Nguyễn Thị Ngọc Ngoan<sup>1</sup>, Phạm Lê An<sup>2</sup>*

*1. Trường Đại học Trà Vinh.*

*2. Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh.*

*\*Email: kimtuyen@tvu.edu.vn*

### TÓM TẮT

**Đặt vấn đề:** Sốt là một trong những dấu hiệu lâm sàng rất thường gặp ở nhiều bệnh lý khác nhau trong suốt thời kỳ thơ ấu. Sốt cao ở trẻ em nếu không được xử trí kịp thời có thể xảy ra các hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh mạng của trẻ như co giật. Chính vì vậy, việc truyền thông giáo dục sức khỏe, nâng cao nhận thức của phụ huynh về cách nhận biết và xử trí khi trẻ bị sốt là rất quan trọng và cần thiết. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định hiệu quả của chương trình truyền thông giáo dục sức khỏe. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu được tiến hành theo phương pháp cắt ngang mô tả tiến cứu trên 130 đối tượng là người trực tiếp chăm sóc trẻ có sốt tại Khoa Nội Nhi – Bệnh viện Sản Nhi Trà Vinh. **Kết quả:** Sau truyền thông tỷ lệ phụ huynh có kiến thức chung về thân nhiệt cao gấp 7,3 lần so với trước truyền thông (35,4% so với 6,9%), điểm số trung bình kiến thức chung về xử lý sốt tăng từ 24,4±4,1 lên 32,4±3,4, điểm số trung bình quan điểm chung về xử lý sốt tăng từ 44,4±5,4 lên 61,0±8,6, điểm số trung bình hành vi chung về xử lý sốt tăng từ 66,8±7,6 lên 89,3±10,4 và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,001$ . **Kết luận:** Sau truyền thông nhìn chung kiến thức, quan điểm, hành vi về xử trí sốt của thân nhân bệnh nhi đều tăng.

**Từ khóa:** Tư vấn sức khỏe, sốt.

### ABSTRACT

## EFFECTIVENESS OF HEALTH COUNSELING ON FEVER MANAGEMENT OF PEDIATRIC RELATIVES

*Bui Thi Kim Tuyen<sup>1</sup>, Huynh Thi Hong Thu<sup>1</sup>,  
Nguyen Thi Ngoc Ngoan<sup>1</sup>, Pham Le An<sup>2</sup>*

*1. Tra Vinh University*

*2. Ho Chi Minh City University of Medicine and Pharmacy*

**Background:** Fever is one of the most popular practical signs that can be observed during

*an infant's growing stage. If children's fever is not treated right and immediately it can lead to serious consequences which have negative impacts on the child's vitality such as convulsion. If they have the right attitude and approach, it can lower the impacts of fever on the child's health. Otherwise, the negative consequences could be critical. Objectives: Determine the effectiveness of the program health education media. Materials and methods: The study was conducted according to a prospective descriptive cross-sectional method on 130 subjects who were directly caring for children with fever at the Department of Internal Medicine - Tra Vinh Obstetrics and Children's Hospital. Results: After the media, the percentage of parents with general knowledge about body temperature was 7.3 times higher than before the media (35.4% compared to 6.9%), the average score of general knowledge about fever treatment increased. from 24.4±4.1 to 32.4±3.4, the mean score of overall opinion on fever treatment increased from 44.4±5.4 to 61.0±8.6, the mean score General behavior on fever treatment increased from 66.8±7.6 to 89.3±10.4 and this difference was statistically significant with  $p < 0.001$ . Conclusion: After the media intervention, generally correct knowledge of the parent's treatment.*

**Keywords:** Health counseling, fever.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sốt là một trong những dấu hiệu lâm sàng rất thường gặp ở nhiều bệnh lý khác nhau trong suốt thời kỳ thơ ấu. Kiểm soát tốt nhiệt độ của trẻ và thái độ, cách xử trí đúng khi trẻ bị sốt là rất quan trọng [1], [2]. Nếu thân nhân bệnh nhi có thái độ và phương pháp xử trí đúng thì sẽ hạn chế rất nhiều hậu quả không tốt cho trẻ. Tuy nhiên còn nhiều phụ huynh chưa biết đo nhiệt độ khi trẻ sốt mà chỉ bằng sờ vào trẻ, hành vi hỗ trợ hạ sốt cho trẻ chưa đúng như chườm đá, chà chanh, chà giấm (26,4%), cạo gió, cắt lễ (11,3%), mặc thêm quần áo cho trẻ (41,5%) [4]. Từ thực tế và nhu cầu cấp thiết, nghiên cứu đề xuất xây dựng một chương trình truyền thông giáo dục sức khỏe nhằm cung cấp cho phụ huynh các kiến thức về sốt và những thực hành cơ bản trong chăm sóc trẻ bị sốt. Chương trình thực hiện tại bệnh viện Sản Nhi Trà Vinh, nơi tập trung nhiều phụ huynh có trẻ nhỏ với mục tiêu nghiên cứu là xác định hiệu quả của chương trình truyền thông giáo dục sức khỏe.

## II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**2.1. Phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả tiến cứu.

**2.2. Đối tượng nghiên cứu:** Người trực tiếp chăm sóc trẻ có sốt tại Khoa Nội Nhi – Bệnh viện Sản Nhi Trà Vinh.

- **Tiêu chí chọn mẫu:** Tiêu chuẩn chọn vào: Người trực tiếp chăm sóc trẻ có sốt tại Khoa Nội Nhi – Bệnh viện Sản Nhi Trà Vinh; Người trực tiếp chăm sóc từ 18 tuổi trở lên. Tiêu chí không chọn vào: Người trực tiếp chăm sóc của trẻ đang trong tình trạng nguy kịch cần xử trí cấp cứu. Người trực tiếp chăm sóc của trẻ bị sốt được chẩn đoán xác định bệnh sốt xuất huyết Dengue, bệnh mãn tính như tim bẩm sinh, động kinh.

- **Tiêu chí loại trừ:** Người trực tiếp chăm sóc của trẻ đang sốt cao và trong tình trạng nguy kịch cần xử trí cấp cứu; Người trực tiếp chăm sóc của trẻ bị sốt được chẩn đoán xác định bệnh sốt xuất huyết Dengue, bệnh mãn tính như tim bẩm sinh, động kinh.

- **Phương pháp chọn mẫu:** Chọn mẫu theo phương pháp thuận tiện, liên tục.

Thời gian tiếp cận: tháng 02/2018 đến tháng 5/2018.

Địa điểm thu thập số liệu: Khoa Nội Nhi – Bệnh viện Sản Nhi Trà Vinh.

Công cụ thu thập số liệu: phiếu thu thập thông tin kiến thức và thực hành về xử trí trẻ sốt của người trực tiếp chăm sóc bệnh nhi

- **Nội dung nghiên cứu:** Kiến thức của người trực tiếp chăm sóc trẻ về thân nhiệt;

Kiến thức của người trực tiếp chăm sóc về xử trí trẻ sốt; Thực hành về xử trí sốt trước và sau khi thực hiện truyền thông.

- **Phương pháp xử lý số liệu:** Xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 20.0.

- **Phương pháp hạn chế sai số:** các số liệu được làm sạch ngay khi lấy, việc nhập và phân tích số liệu được chính người nghiên cứu thực hiện.

- **Đạo đức trong nghiên cứu:** nghiên cứu được tiến hành khi Hội đồng Y đức của Đại học Y dược TpHCM thông qua, được sự chấp thuận tiến hành của Ban Giám Đốc Bệnh viện Sản – Nhi Trà Vinh. Những thông tin cá nhân của người tham gia nghiên cứu đều được giữ bí mật tuyệt đối. Nghiên cứu được tiến hành với sự tự nguyện hoàn toàn của người tham gia nghiên cứu.

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n=130)

Đặc điểm chung		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Tuổi	< 35 tuổi	80	61,5
	≥ 35 tuổi	50	38,5
	TB ± SD	34,9±12,3	
Mối quan hệ với trẻ	Cha	24	18,5
	Mẹ	77	59,2
	Ông/ bà/cô/ dì	29	22,3
Nghề nghiệp	Nội trợ	35	26,9
	Trí thức	31	23,9
	Nông dân	26	20,0
	Công nhân	24	18,4
	Buôn bán	14	10,8
Trình độ học vấn	≥Cấp 3	53	40,8
	Cấp 2	45	34,6
	≤Cấp 1	32	24,6

Nhận xét: Tuổi trung bình của phụ huynh trong nghiên cứu này là 34,9±12,3 tuổi, đối tượng tham gia nghiên cứu chủ yếu là mẹ của trẻ (59,2%), nhóm nghề nghiệp của phụ huynh phổ biến nhất là nội trợ và trí thức với tỷ lệ tương ứng 26,9% và 23,9%, phần lớn phụ huynh có trình độ học vấn trên cấp 3 (40,8%).

#### 3.2. Hiệu quả của chương trình truyền thông lên kiến thức, quan điểm, hành vi xử trí khi trẻ sốt

Bảng 2. So sánh kiến thức chung về thân nhiệt trước và sau truyền thông (n=130)

Kiến thức chung về thân nhiệt	Có kiến thức	Không có kiến thức	p	OR (KTC 95%)
	n (%)	n (%)		
Sau truyền thông	46 (35,4)	84 (64,6)	<0,001	7,3 (3,3-17,9)
Trước truyền thông	9 (6,9)	121 (93,1)		

Nhận xét: Sau truyền thông tỷ lệ phụ huynh có kiến thức chung về thân nhiệt cao gấp 7,3 lần so với trước truyền thông (35,4% so với 6,9%) và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với p<0,001.

Bảng 3. So sánh quan điểm và hành vi của phụ huynh về xử trí khi trẻ sốt trước và sau truyền thông (n=130)

Đặc điểm về xử lý sốt của phụ huynh	Sau truyền thông	Trước truyền thông	p
	TB±SD	TB±SD	
Điểm số trung bình kiến thức chung về xử lý sốt	32,4±3,4	24,4±4,1	<0,001
Điểm số trung bình quan điểm chung về xử lý sốt	61,0±8,6	44,4±5,4	<0,001
Điểm số trung bình hành vi chung về xử lý sốt tăng từ 66,8±7,6 lên 89,3±10,4	89,3±10,4	66,8±7,6	<0,001

Nhận xét: Sau truyền thông điểm số trung bình của kiến thức, quan điểm và hành vi về xử trí khi trẻ sốt đều tăng, và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,001$ .

## IV. BÀN LUẬN

### 4.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Đối tượng tham gia nghiên cứu bao gồm cha, mẹ, ông, bà, cô, dì. Trong đó số lượng bà mẹ tham gia chiếm phần đa số. Các nghiên cứu khác cũng cho ra kết quả các bà mẹ là người chăm sóc trẻ tương tự các nghiên cứu của tác giả Vũ Long 64,9% [7], Trần Thụy Khánh Linh (85,6%) [5], Nguyễn Thị Trúc Linh (85%) [6], Huỳnh Văn Lộc (88,5%) [8], de Bont, E. G. (57,1%) [10].

Nghiên cứu của chúng tôi người chăm sóc trẻ có độ tuổi < 35 tuổi là 61,5% chiếm gần hai phần ba. Kết quả này thấp hơn nghiên cứu Trương Thị Thùy Dung (73,6%) [3], tương tự với nghiên cứu của Vũ Long (64,9%) [7], Đoàn Thị Vân (67,9%) [9] và cao hơn nghiên cứu của Nguyễn Thị Trúc Linh (51%) [6]. Các nghiên cứu có sự khác nhau có thể khác nhau về cỡ mẫu, đối tượng, văn hóa vùng miền.

Nhóm nghề nghiệp của người tham gia nghiên cứu chênh lệch gần nhau cao nhất là nội trợ 26,9%, kế tiếp là trí thức 23,9%, tiếp theo là nông dân 20%, và thấp nhất là buôn bán 10,8%. So với một số nghiên cứu khác cũng có sự tương đồng về nhóm nghề nội trợ chiếm tỉ lệ cao hơn với các nhóm nghề khác như nghiên cứu của Vũ Long (nhóm nghề nội trợ 40,2%) [7].

Về trình độ học vấn của người tham gia nghiên cứu của chúng tôi có trình độ từ cấp 1 đến sau cấp 3. Trong đó nhóm trình độ  $\geq$  cấp 3 chiếm 40,8%, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế của tỉnh Trà Vinh dựa theo số liệu thống kê thì cơ cấu kinh tế công nghiệp – xây dựng dịch vụ chiếm (65,52%).

### 4.2. Hiệu quả của chương trình truyền thông lên kiến thức, quan điểm, hành vi xử trí khi trẻ sốt

#### - So sánh kiến thức chung về thân nhiệt trước và sau truyền thông

Trước can thiệp truyền thông tỷ lệ người có kiến thức chỉ chiếm (6,9%), nhưng không có kiến thức lại chiếm tỷ lệ rất cao (93,1%) và sau can thiệp truyền thông thì tỷ lệ người có kiến thức tăng lên (35,4%), không có kiến thức giảm xuống (64,6%), thấp hơn nghiên cứu của Trương Thị Thùy Dung (trước 33,6% sau 89,1%) [3]. Sự khác biệt trước và sau can thiệp truyền thông kiến thức chung về thân nhiệt có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,001$ ), khoảng tin cậy 95% từ (3,3-17,9), tương đồng với kết quả nghiên cứu của Najimi cho thấy sự gia tăng đáng kể kiến thức ( $p < 0,001$ ) [11]. Từ kết quả này cho thấy hiệu quả của can thiệp truyền thông về xử trí sốt cho thân nhân bệnh nhi có tác động tích cực đến sự thay đổi

kiến thức chung về thân nhiệt cũng như chăm sóc trẻ.

### - So sánh quan điểm và hành vi của phụ huynh về xử trí khi trẻ sốt trước và sau truyền thông

Điểm số trung bình kiến thức xử lý sốt trước truyền thông là 24,4 điểm so với sau truyền thông là 32,4 điểm (tăng 8 điểm), thấp hơn nghiên cứu của Najimi (trước 52,48 điểm sau 66,78 điểm sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê  $p < 0,001$  [11]. Tương tự, điểm số trung bình quan điểm và hành vi xử lý sốt sau truyền thông tăng 16,6 điểm và 22,5 điểm so với trước truyền thông, và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,001$ ), cao hơn nghiên cứu của Najimi thái độ (trước 74,09 điểm sau 76,15 điểm sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê  $p = 0,04$ ), hành vi (trước 81,06 điểm sau 85,41 điểm sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê  $p = 0,01$ ) [11]. Mức độ hiệu quả xử trí sốt sau can thiệp truyền thông và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,001$ .

## V. KẾT LUẬN

Tư vấn sức khỏe về xử trí sốt giúp cung cấp kiến thức cho người trực tiếp chăm sóc trẻ, giúp họ tự tin để quản lý trẻ sốt, nâng cao kiến thức, quan điểm, hành vi về xử trí sốt. Sử dụng nội dung tư vấn phù hợp với nhóm đối tượng. Tất cả người chăm sóc trẻ đều ghi nhận chương trình tư vấn sức khỏe do nhân viên y tế thực hiện rất hữu ích, vừa dễ hiểu, ngắn gọn và là nguồn thông tin đáng tin cậy, đã cung cấp những thông tin cần thiết cho bà mẹ trong việc nâng cao hiểu biết cũng như thực hành chăm sóc trẻ sốt từ đó giúp họ bớt lo lắng, bình tĩnh xử trí trẻ sốt tốt hơn. Như vậy, sự tác động của nhân viên y tế nói chung, trong trường hợp này là vai trò của Điều dưỡng, đóng góp tích cực trong việc gia tăng sự thay đổi về kiến thức, quan điểm và thực hành xử trí sốt. Ứng dụng tư vấn sức khỏe của điều dưỡng đã đem lại hiệu quả. Cách tiếp cận và cung cấp thông tin cho người chăm sóc trẻ phù hợp, giúp người chăm sóc trẻ hiểu đúng và thay đổi thói quen đối với hành vi xử trí trẻ sốt.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bệnh viện Nhi đồng 1 (2013), *Phác Đồ Điều Trị Nhi Khoa 2013*, Nhà xuất bản y học, TP. Hồ Chí Minh.
2. Bệnh Viện Nhi đồng 1 (2015), *Lau Mát Hạ Sốt*, Nhà xuất bản y học, TP. Hồ Chí Minh
3. Trương Thị Thùy Dung (2013), Đánh giá hiệu quả chương trình giáo dục sức khỏe cho bà mẹ có con bị sốt tại khoa hô hấp bệnh viện nhi Thanh Hóa, *Tạp Chí Y Học Thành Phố Hồ Chí Minh*, 17, (4), tr.55.
4. Đoàn Thị Ngọc Điệp (2006), *Nhi Khoa Chương Trình Đại Học Tập 1*, Nhà xuất bản Y học, TP. Hồ Chí Minh, tr.377-382.
5. Trần Thụy Khánh Linh, Nguyễn Vinh Anh, Đoàn Thị Ngọc Điệp (2014), Sốt Ở Trẻ Em Và Xử Trí Dựa Trên Chứng Cứ. *Tạp Chí Y Học Thành Phố Hồ Chí Minh*, 18, (5), tr.26-31.
6. Nguyễn Thị Trúc Linh (2017), *Xử trí của cha mẹ khi trẻ bị sốt và các yếu tố liên quan*, Luận văn thạc sỹ Điều dưỡng, Đại học Y Dược TP.HCM.
7. Vũ Long (2016), *Kiến thức và thực hành về xử trí trẻ sốt của người trực tiếp chăm sóc bệnh nhi*, Luận văn thạc sỹ Điều dưỡng, Đại học Y Dược TP.HCM.
8. Huỳnh Văn Lộc (2001), *Khảo sát kiến thức, thái độ và hành vi của người chăm sóc chính đối với bệnh nhi sốt cao co giật tại phòng lưu Bệnh viện Nhi đồng 1*, Luận văn thạc sỹ y học, Đại học Y Dược TP.HCM
9. Đoàn Thị Vân (2010), *Kiến thức, thái độ và hành vi của bà mẹ có trẻ bị sốt cao đến khám tại bệnh viện Phúc Yên*, <https://tailieu.vn/doc/kien-thuc-thai-do-va-hanh-vi-cua-ba-me-co>

tre-bi-sot-cao-den-kham-tai-benh-vien-phuc-yen-2105870.html.

10. De Bont E G, Francis N A, Dinant G J, Cals J W (2014), Parents' knowledge, attitudes, and practice in childhood fever: an internet-based survey. *Br J Gen Pract*, 64, (618), e10-e16.
11. Najimi, A., Dolatabadi, N. K., Esmacili, A. A., & Sharifirad, G. R. (2013). The effect of educational program on knowledge, attitude and practice of mothers regarding prevention of febrile seizure in children. *Journal of Education and Health Promotion*, 2, 26.

(Ngày nhận bài: 9/3/2021 – Ngày duyệt đăng: 24/7/2021)

---